

MỤC LỤC

| <u>NỘI DUNG</u> | <u>TRANG</u> |
|---|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC | 1 - 2 |
| BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN | 3 |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT | 4 - 6 |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 7 |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT | 8 |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT | 9 - 23 |

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

| | |
|----------------------|---|
| Ông Lê Minh Hồng | Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2007) |
| Ông Đặng Thế Hương | Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 10 tháng 9 năm 2007) |
| Ông Thái Quốc Hiệp | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2006) |
| Ông Nguyễn Chí Thành | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2006) |
| Ông Nguyễn Hùng Dũng | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2006) |
| Ông Nguyễn Hữu Hải | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2006) |
| Ông Tống Quốc Trường | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2007) |
| Ông Nguyễn Xuân Sơn | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2006, miễn nhiệm ngày 4 tháng 9 năm 2007) |
| Ông Phùng Tuấn Hà | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2008) |
| Bà Lê Tuyết Lan | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 10 năm 2006, miễn nhiệm ngày 4 tháng 3 năm 2008) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|----------------------|--|
| Ông Thái Quốc Hiệp | Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2007) |
| Ông Nguyễn Chí Thành | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2007) |
| Ông Nguyễn Hùng Dũng | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2007) |
| Ông Nguyễn Tấn Hòa | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2007) |
| Ông Lê Minh Tiến | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2007) |
| Ông Phùng Tuấn Hà | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 1 năm 2007) |
| Ông Nguyễn Trần Toàn | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2007) |
| Ông Tạ Đức Tiến | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2007) |
| Ông Trần Ngọc Dũng | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 1 tháng 12 năm 2007) |
| Ông Phạm Việt Anh | Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 8 tháng 1 năm 2007, chuyển công tác ngày 18 tháng 7 năm 2007) |

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



Số: 242 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo Tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007
của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THIÊN VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt được lập ngày 14 tháng 03 năm 2008 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được trình bày từ trang 05 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thiên Việt tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2008

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN
TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN**



Phó Tổng Giám đốc

NGUYỄN QUỐC DŨNG

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Kiểm toán viên

NGUYỄN DIỆU TRANG

Chứng chỉ KTV số: 0938/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Thái Quốc Hiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2008

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Số: *117* /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, đây là năm đầu tiên Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất và là năm đầu tiên hoạt động theo hình thức công ty cổ phần bao gồm Công ty mẹ và các công ty con. Do đó, không có số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu năm trước là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí, công ty Nhà nước trước đây, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Xuân Ánh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0723/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị: triệu VND

| TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2007 | 31/12/2006 |
|---|----------------|------------------|------------------|
| A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 2.821.182 | 3.225.041 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 4 | 929.841 | 2.109.917 |
| 1. Tiền | | 829.841 | 396.252 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | | 100.000 | 1.713.665 |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 3.900 | 3.900 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | | 3.900 | 3.900 |
| III. Các khoản phải thu | | 1.699.501 | 1.014.607 |
| 1. Phải thu của khách hàng | | 1.060.748 | 979.930 |
| 2. Trả trước cho người bán | | 65.244 | 19.647 |
| 3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | | 574.701 | 23.140 |
| 4. Các khoản phải thu khác | | 23.008 | 36.065 |
| 5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi | | (24.200) | (44.175) |
| IV. Hàng tồn kho | 5 | 131.897 | 83.619 |
| 1. Hàng tồn kho | | 145.749 | 99.069 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (13.852) | (15.450) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | | 56.043 | 12.998 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | | 2.610 | 3.107 |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 51.921 | 9.227 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | | 119 | 65 |
| 4. Tài sản ngắn hạn khác | | 1.393 | 599 |

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: triệu VND

| TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2007 | 31/12/2006 |
|--|----------------|------------------|------------------|
| B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 1.991.066 | 1.444.622 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | | 1.374 | 1.012 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | | 1.375 | 310 |
| 2. Phải thu dài hạn khác | | 309 | 702 |
| 3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | | (310) | - |
| II. Tài sản cố định | | 1.407.781 | 977.534 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 6 | 711.292 | 879.454 |
| - Nguyên giá | | 2.063.673 | 1.978.579 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | | (1.352.381) | (1.099.125) |
| 2. Tài sản cố định vô hình | | 2.509 | 1.314 |
| - Nguyên giá | | 3.310 | 1.728 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | | (801) | (414) |
| 3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 7 | 693.980 | 96.766 |
| III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | | 504.755 | 382.861 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 8 | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 9 | 97.575 | 2.881 |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 10 | 407.180 | 379.980 |
| IV. Tài sản dài hạn khác | | 77.156 | 83.215 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | | 74.520 | 81.161 |
| 2. Tài sản dài hạn khác | | 2.636 | 2.054 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 4.812.248 | 4.669.663 |

102030
 CÔNG
 CH NHIỆM
 DELOI
 VIỆT N
 G ĐA -

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: triệu VND

| NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2007 | 31/12/2006 |
|---|-------------|------------------|------------------|
| A. NỢ PHẢI TRẢ | | 3.632.442 | 3.633.831 |
| I. Nợ ngắn hạn | | 2.811.773 | 2.892.950 |
| 1. Vay ngắn hạn | 12 | 190.498 | 185.972 |
| 2. Phải trả cho người bán | | 1.042.096 | 849.775 |
| 3. Người mua trả tiền trước | | 154.422 | 553 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | | 31.394 | 59.832 |
| 5. Phải trả công nhân viên | | 140.125 | 47.407 |
| 6. Chi phí phải trả | | 17.230 | 3.206 |
| 7. Các khoản phải trả, phải nộp khác | 11 | 1.236.008 | 1.744.615 |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn | | - | 1.590 |
| II. Nợ dài hạn | | 820.669 | 740.881 |
| 1. Phải trả dài hạn khác | | 20.102 | 6.106 |
| 2. Vay và nợ dài hạn | 12 | 796.817 | 718.848 |
| 3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | | 3.552 | 15.927 |
| 4. Dự phòng phải trả dài hạn | | 198 | - |
| B. NGUỒN VỐN | 13 | 1.179.806 | 1.035.832 |
| I. Vốn chủ sở hữu | | 1.142.917 | 980.494 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | 1.000.000 | 364.042 |
| 2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | | - | 308.364 |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển | | 15.886 | 182.700 |
| 4. Quỹ dự phòng tài chính | | 15.886 | 83.104 |
| 5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | | - | 42.284 |
| 6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | 111.145 | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | | 36.889 | 55.338 |
| 1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | | 36.670 | 55.083 |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | | 219 | 255 |
| C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 4.812.248 | 4.669.663 |



Thái Quốc Hiệp
 Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2008
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Văn Mậu
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: triệu VND

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | 2007 | 2006 |
|---|--------------------|------------------|------------------|
| 1. Tổng doanh thu | | 5.776.223 | 4.497.445 |
| 2. Các khoản giảm trừ | | 536 | 198 |
| 3. Doanh thu thuần | 14 | 5.775.687 | 4.497.247 |
| 4. Giá vốn hàng bán | | 5.230.739 | 4.152.806 |
| 5. Lợi nhuận gộp | | 544.948 | 344.441 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 15 | 89.952 | 33.420 |
| 7. Chi phí tài chính | 16 | 104.201 | 56.638 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 85.529 | 46.027 |
| 8. Chi phí bán hàng | | 62.727 | 41.555 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | | 156.937 | 34.719 |
| 10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | 311.035 | 244.949 |
| 11. Thu nhập khác | | 11.794 | 6.449 |
| 12. Chi phí khác | | 5.108 | 1.018 |
| 13. Lợi nhuận khác | | 6.686 | 5.431 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | 317.721 | 250.380 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | - | 77.560 |
| 16. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh | | 1.422 | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | 319.143 | 172.820 |
| <i>Phân phối cho:</i> | | | |
| Cổ đông của Tổng Công ty | | 319.143 | 172.820 |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số | | - | - |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 17 | 3.191 | - |



Thái Quốc Hiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2008

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Nguyễn Văn Mậu
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị: triệu VND

| CHỈ TIÊU | 2007 | 2006 |
|--|--------------------|------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | |
| Lợi nhuận trước thuế | 317.721 | 250.380 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | |
| Khấu hao tài sản cố định | 258.338 | 260.458 |
| Các khoản dự phòng | (21.573) | 29.791 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | (17.617) | (17.240) |
| Chi phí lãi vay | 85.529 | 46.027 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 622.398 | 569.416 |
| (Tăng) các khoản phải thu | (682.898) | (312.987) |
| (Tăng) hàng tồn kho | (46.680) | (4.876) |
| (Giảm)/Tăng các khoản phải trả | (233.528) | 1.993.147 |
| (Tăng)/Giảm tài sản ngắn hạn khác | (42.161) | 16.452 |
| Tiền lãi vay đã trả | (65.750) | (43.865) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | (35.128) | (54.013) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | (483.747) | 2.163.274 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | |
| Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định | (673.276) | (197.787) |
| Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 919 | 140 |
| Đầu tư vào các đơn vị khác và đầu tư dài hạn khác | (58.981) | (393.976) |
| Đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết | (93.272) | (2.300) |
| Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | - | (350) |
| Tiền thu từ các khoản đầu tư | 53.151 | 41.666 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (771.459) | (552.607) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | |
| Nhận vốn góp của chủ sở hữu | - | (8.185) |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | (194.341) | 381.326 |
| Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 269.471 | (166.470) |
| Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu | - | (51.221) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 75.130 | 155.450 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | (1.180.076) | 1.766.117 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm | 2.109.917 | 343.800 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm | 929.841 | 2.109.917 |

Giám các khoản phải trả trong năm bao gồm số đã thanh toán cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về khoản phải trả cổ phần hóa với số tiền là 800.000 triệu VND.



Thái Quốc Hiệp
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Mậu
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2008
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 23 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (gọi tắt là "Tổng Công ty") là Công ty cổ phần, đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0103015198 của Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4103006191 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 3 năm 2007.

Ngày 9/2/2007, Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Nghị quyết số 23/QĐ-DVKT-HĐQT của Đại hội Cổ đông Tổng Công ty trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Tổng Công ty, Ban Tổng Giám đốc, Ban quản lý dự án Cảng và chi nhánh Tổng Công ty tại Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 4.245 (năm 2006: 3.948).

Hoạt động chính

Kinh doanh dịch vụ dầu khí; Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Quản lý kinh doanh và khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa và khai thác dầu (FPSO); Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi; Quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí; Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ; Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển; Dịch vụ khảo sát địa vật lý, địa chất công trình, dịch vụ lặn, khảo sát ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và các công trình công nghiệp, dân dụng; Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; Dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hoá; Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí; Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí; Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí; Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí; Kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Vận chuyển các sản phẩm dầu khí; Chế tạo và lắp đặt các loại bể chứa xăng dầu, khí hoá lỏng và các loại đường ống dẫn dầu, dẫn khí; Kinh doanh vật tư, trang thiết bị an toàn phòng cháy chữa cháy phục vụ cho công nghiệp dầu khí, các ngành công nghiệp khác và dân dụng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Đây là năm đầu tiên Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất và là năm đầu tiên hoạt động theo hình thức công ty cổ phần bao gồm Công ty mẹ và các công ty con. Do đó, không có số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu năm trước là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí, công ty Nhà nước trước đây, cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty con trong Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

2030
ÔNG
H NHIÊN
ELOI
VIỆT N
ĐA -

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)

Trong trường hợp một nhóm thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Tổng Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty con.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

| | 2007 (%) |
|---------------------------------|--------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 4 - 40 |
| Máy móc, thiết bị | 12,5 - 66,67 |
| Phương tiện vận tải | 16 - 66,67 |
| Thiết bị quản lý & tài sản khác | 10 - 50 |

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm lợi thế thương mại, tiền thuê đất và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo kết quả xác định giá trị doanh nghiệp cho mục đích cổ phần hóa tại thời điểm 31/12/2004, và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong vòng 6,67 năm theo phương pháp đường thẳng.

Tiền thuê đất phản ánh số tiền thuê 264.985 m² đất trả trước cho Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UDEC) để sử dụng vào mục đích xây dựng Cảng đạm và dịch vụ dầu khí tổng hợp Phú Mỹ với thời hạn 25 năm. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, theo phương pháp đường thẳng phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chi được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được giảm 50% trong hai năm tiếp theo. Tổng Công ty không tính thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do đây là năm đầu tiên được miễn thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Tổng Công ty không có các khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Do đó, Tổng Công ty không ghi nhận các khoản thuế thu nhập hoãn lại.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2007 | 31/12/2006 |
|----------------------------|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Tiền mặt | 5.262 | 4.380 |
| Tiền gửi ngân hàng | 824.579 | 391.872 |
| Các khoản tương đương tiền | 100.000 | 1.713.665 |
| | 929.841 | 2.109.917 |

Các khoản tương đương tiền phản ánh tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. HÀNG TỒN KHO**

| | 31/12/2007 | 31/12/2006 |
|---|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Hàng đi đường | 1.208 | 18.273 |
| Nguyên vật liệu | 63.135 | 26.460 |
| Công cụ, dụng cụ | 2.013 | 1.375 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 18.009 | 23.014 |
| Thành phẩm | 158 | 221 |
| Hàng hóa tồn kho | 33.072 | 17.212 |
| Hàng gửi bán | 28.154 | 12.513 |
| | 145.749 | 99.068 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (13.852) | (15.449) |
| Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho | 131.897 | 83.619 |

6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận chuyển | Thiết bị, dụng cụ quản lý và tài sản khác | Cộng |
|-------------------------------|---------------------------------------|------------------------------|-----------------------------------|--|------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND |
| NGUYÊN GIÁ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2007 | 203.149 | 92.876 | 1.652.988 | 29.566 | 1.978.579 |
| Mua sắm mới | 9.931 | 26.535 | 26.310 | 11.704 | 74.480 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.311) | - | (4.906) | (663) | (6.880) |
| Điều chỉnh/Phân loại lại | 132 | (114) | 18.008 | (532) | 17.494 |
| Tại ngày 31/12/2007 | 211.901 | 119.297 | 1.692.400 | 40.075 | 2.063.673 |
| GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ | | | | | |
| Tại ngày 1/1/2007 | 104.348 | 47.139 | 925.113 | 22.525 | 1.099.125 |
| Trích khấu hao | 24.100 | 16.822 | 211.503 | 5.526 | 257.951 |
| Thanh lý, nhượng bán | (1.103) | - | (2.293) | (445) | (3.841) |
| Điều chỉnh/Phân loại lại | - | (52) | (9) | (793) | (854) |
| Tại ngày 31/12/2007 | 127.345 | 63.909 | 1.134.314 | 26.813 | 1.352.381 |
| GIÁ TRỊ CÒN LẠI | | | | | |
| Tại ngày 31/12/2007 | 84.556 | 55.388 | 558.086 | 13.262 | 711.292 |
| Tại ngày 31/12/2006 | 98.801 | 45.737 | 727.875 | 7.041 | 879.454 |

Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Tổng Công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 285.796 triệu VND (2006: 291.172 triệu VND) để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

| | <u>31/12/2007</u> | <u>31/12/2006</u> |
|--------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Đóng mới kho nổi chứa xuất dầu FSO5 | 516.789 | - |
| Dự án mở rộng căn cứ cảng hạ lưu | 79.044 | 44.675 |
| Cảng Đạm và Dịch vụ Tổng hợp Phú Mỹ | 29.115 | 15.428 |
| Nối dài cầu tàu bến số 1 - Dung Quất | 20.286 | 7.119 |
| Khác | 48.746 | 29.544 |
| | <u>693.980</u> | <u>96.766</u> |

8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

| <u>Công ty</u> | <u>Địa điểm</u> | <u>Tỷ lệ cổ phần</u> | <u>Hoạt động chính</u> |
|---|-----------------|----------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH thương mại & dịch vụ DK biển | Việt Nam | 100% | Thương mại, dịch vụ |
| Công ty TNHH Tàu dịch vụ dầu khí | Việt Nam | 100% | Dịch vụ tàu thuyền |
| Công ty TNHH Cảng dịch vụ dầu khí | Việt Nam | 100% | Dịch vụ căn cứ cảng |
| Công ty TNHH Dịch vụ khai thác dầu khí | Việt Nam | 100% | Dịch vụ khai thác dầu khí |
| Công ty TNHH Dịch vụ cơ khí hàng hải | Việt Nam | 100% | Dịch vụ chế tạo, lắp đặt CTDK |
| Công ty TNHH Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi | Việt Nam | 100% | Thương mại, xây dựng |
| Công ty TNHH Dịch vụ dầu khí Đà Nẵng | Việt Nam | 100% | Thương mại |
| Công ty TNHH Dịch vụ dầu khí Nam Định | Việt Nam | 100% | Thương mại |
| Công ty TNHH Dịch vụ dầu khí Thái Bình | Việt Nam | 100% | Thương mại, SX nước khoáng |
| Công ty TNHH Dịch vụ dầu khí Hải Phòng | Việt Nam | 100% | Thương mại |
| Công ty TNHH Đại lý tàu biển | Việt Nam | 100% | Đại lý tàu biển |
| Cty TNHH lắp đặt, vận hành & bảo dưỡng CTDK | Việt Nam | 100% | Vận hành & bảo dưỡng CTDK |

9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

| | <u>31/12/2007</u> | <u>31/12/2006</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Giá trị khoản đầu tư gốc | 96.153 | 2.881 |
| Phần kết quả thuần của các liên doanh, cổ tức nhận được | 1.422 | - |
| | <u>97.575</u> | <u>2.881</u> |

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

Công ty liên kết

| <u>Công ty</u> | <u>Địa điểm</u> | <u>Tỷ lệ cổ phần</u> | <u>Hoạt động chính</u> |
|--|-----------------|----------------------|------------------------|
| Công ty LD Chế biến suất ăn dầu khí | Việt Nam | 49% | Cung cấp suất ăn |
| Công ty LD Ròng Đồi MV12 | Xing-ga-po | 33% | Dịch vụ dầu khí |
| Công ty cổ phần Cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ | Việt Nam | 46% | Dịch vụ căn cứ cảng |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ

Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)****Tài sản đồng kiểm soát**

| Công ty | Địa điểm | Tỷ lệ cổ phần | Hoạt động chính |
|-----------------------------|----------|------------------|--------------------|
| HĐHTKD tàu chở khí hóa lỏng | Việt Nam | 50% | Dịch vụ tàu thuyền |
| HĐHTKD tàu Ruby Princess | Việt Nam | 75% | Dịch vụ tàu thuyền |

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

| | <u>31/12/2007</u> | <u>31/12/2006</u> |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Cho vay Công ty LD Rồng Đồi MV12 | 327.459 | 359.274 |
| Công ty cổ phần Dầu khí Tân Viên | 15.949 | 15.000 |
| Công ty cổ phần đầu tư phát triển Sao Mai - Bến Đình | 10.231 | - |
| Công ty cổ phần vận tải Đông Dương | 10.000 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư và tư vấn tài chính Dầu khí | 10.330 | - |
| Công ty cổ phần đầu tư KCN Dầu khí - IDICO Long Sơn | 12.360 | - |
| Đầu tư dài hạn khác | 20.851 | 5.706 |
| | <u>407.180</u> | <u>379.980</u> |

Khoản cho Công ty LD Rồng Đồi MV12 vay được hưởng lãi suất BBA Libor, được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng liên doanh với Công ty LD Rồng Đồi MV12 và không có bảo đảm.

11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC

| | <u>31/12/2007</u> | <u>31/12/2006</u> |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 933.756 | 1.561.872 |
| Phải trả tiền lương, thưởng | 112.833 | 9.304 |
| Phải trả Vietsov - mua tàu FSO Chi Lăng | 91.890 | 91.890 |
| Cổ tức phải trả | 56.000 | - |
| Khác | 41.529 | 81.549 |
| | <u>1.236.008</u> | <u>1.744.615</u> |

Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản quyết toán số tiền phải nộp về quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp, lãi chậm nộp tiền bán cổ phần tạm tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2007, phần lợi nhuận chưa nộp Tập đoàn, cổ tức tạm chia và phí quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

| | <u>31/12/2007</u> | <u>31/12/2006</u> |
|---------------|-----------------------|-----------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Đồng Việt Nam | 109.613 | 46.300 |
| Đô la Mỹ | 877.702 | 858.520 |
| | <u>987.315</u> | <u>904.820</u> |

Vay dài hạn gồm các khoản vay bằng VND và ngoại tệ (USD) từ các ngân hàng và các tổ chức tín dụng. Các khoản vay bằng VND có lãi suất từ 7,00%/năm đến 11,10%/năm và các khoản vay bằng USD có lãi suất từ 6,00%/năm đến 7,64%/năm. Các khoản vay này được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bảo lãnh hoặc bảo đảm bằng tài sản cố định.

Tỷ lệ lãi suất trung bình như sau:

| | <u>2007</u> | <u>2006</u> |
|---------------|-------------|-------------|
| Đô la Mỹ | 6,91% | 5,77% |
| Đồng Việt Nam | 10,21% | 8,05% |

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | <u>31/12/2007</u> | <u>31/12/2006</u> |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Trong vòng 1 năm | 190.498 | 185.972 |
| Từ 1 năm đến 2 năm | 174.609 | 182.378 |
| Từ 2 năm đến 5 năm | 351.636 | 311.853 |
| Trên 5 năm | 270.572 | 224.617 |
| | <u>987.315</u> | <u>904.820</u> |
| Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày như vay ngắn hạn) | <u>(190.498)</u> | <u>(185.972)</u> |
| Số phải trả sau 12 tháng | <u>796.817</u> | <u>718.848</u> |
| Trái phiếu phát hành | - | - |
| | <u>796.817</u> | <u>718.848</u> |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍLầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | | Lợi nhuận chưa phân phối | Tổng cộng |
|----------------------------|---------------------------|----------------------|--------------------------|------------------|
| | Triệu VND | Các quỹ Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND |
| Tại ngày 01/01/2007 | 364.042 | 671.790 | - | 1.035.832 |
| Quyết toán cổ phần hóa | 635.958 | (601.437) | - | 34.521 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | 319.143 | 319.143 |
| Phân phối lợi nhuận | - | 67.989 | (67.989) | - |
| Chia cổ tức | - | - | (140.000) | (140.000) |
| Chi các quỹ | - | (70.806) | - | (70.806) |
| Điều chỉnh | - | 1.125 | (9) | 1.116 |
| Tại ngày 31/12/2007 | 1.000.000 | 68.661 | 111.145 | 1.179.806 |

Theo Giấy phép kinh doanh, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 1.000 triệu VND. Số lượng cổ phiếu của Tổng Công ty đã đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 100 triệu cổ phiếu với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu như sau:

| | Theo Giấy phép kinh doanh | | Vốn thực tế góp tại ngày 31/12/2007 | |
|---------------------------|---------------------------|------------------|-------------------------------------|------------------|
| | % | Triệu VND | % | Triệu VND |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 60,00 | 600.000 | 60,00 | 600.000 |
| Công ty Tài chính Dầu khí | 3,58 | 35.800 | 8,63 | 86.300 |
| Các cổ đông khác | 36,42 | 364.200 | 31,37 | 313.700 |
| | 100,00 | 1.000.000 | 100,00 | 1.000.000 |

Trong năm nay, Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã phê duyệt cổ tức với giá trị 1.400 VND/cổ phiếu và sẽ chia cho các cổ đông vào 31 tháng 3 năm 2008. Tổng Công ty đã kế toán khoản cổ tức được chia này vào báo cáo tài chính hợp nhất năm nay. Mức cổ tức sẽ được thanh toán cho các cổ đông và tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 140.000 triệu VND.

Theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất, lợi nhuận sau thuế được trích lập quỹ đầu tư phát triển (5%), quỹ dự phòng tài chính (5%) và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng một tháng lương thực hiện theo quỹ lương

14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành năm bộ phận hoạt động - Bộ phận dịch vụ cung ứng tàu biển; Bộ phận cung cấp dịch vụ căn cứ cảng; Bộ phận cơ khí, đóng mới; Bộ phận kinh doanh thương mại và Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo năm bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của năm bộ phận kinh doanh trên như sau:

| | |
|--------------------------------------|--|
| Bộ phận dịch vụ cung ứng tàu biển | - Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí. |
| Bộ phận cung cấp dịch vụ căn cứ cảng | - Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ khác có liên quan |
| Bộ phận cơ khí, đóng mới | - Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí |
| Bộ phận kinh doanh thương mại | - Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ và hàng hóa khác |
| Bộ phận cung cấp các dịch vụ khác | - Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí |

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ


Lầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09-DN/HN**14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH (Tiếp theo)**

| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 |  Cung ứng tàu biển | Cơ khí, đóng mới | Căn cứ Cảng | Thương mại | Dịch vụ khác | Loại trừ | Tổng cộng |
|---|--|---------------------|----------------|---------------|-----------------|-----------|-----------|
| | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND | Triệu VND |
| Tài sản | | | | | | | |
| Tài sản bộ phận | 2.075.881 | 1.279.609 | 601.475 | 456.679 | 568.760 | (881.390) | 4.101.014 |
| Lãi từ công ty liên kết | - | - | - | - | 1.422 | - | 1.422 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | 709.812 |
| Tổng tài sản hợp nhất | 2.075.881 | 1.279.609 | 601.475 | 456.679 | 570.182 | (881.390) | 4.812.248 |
| Nợ phải trả | | | | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 1.810.772 | 998.853 | 319.491 | 234.188 | 126.603 | (881.390) | 2.608.517 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | 1.023.925 |
| Tổng nợ phải trả hợp nhất | | | | | | | 3.632.442 |
| Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 | | | | | | | |
| Doanh thu | | | | | | | |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 2.188.184 | 1.890.007 | 359.120 | 1.103.448 | 234.928 | - | 5.775.687 |
| Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác | 11.360 | 20.406 | 75.285 | 96.134 | 22.541 | (225.726) | - |
| Tổng doanh thu | 2.199.544 | 1.910.413 | 434.405 | 1.199.582 | 257.469 | (225.726) | 5.775.687 |
| Lợi nhuận gộp | | | | | | | |
| Lợi nhuận gộp bộ phận | 224.121 | 82.147 | 94.862 | 97.795 | 46.023 | - | 544.948 |
| Chi phí bán hàng và chi phí quản lý | | | | | | | (219.664) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | | 325.284 |
| | | | | | | | 1.422 |
| Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết | | | | | | | (14.249) |
| Chi phí tài chính - thuần | | | | | | | 6.686 |
| Thu nhập khác - thuần | | | | | | | 319.143 |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | | | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | | | | | | | - |
| Lợi nhuận trong năm | | | | | | | 319.143 |

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍLầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2007 | 2006 |
|--------------------------------------|---------------|---------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Lãi tiền gửi Ngân hàng, tiền cho vay | 78.991 | 25.355 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá | 10.057 | 7.220 |
| Khác | 904 | 845 |
| | 89.952 | 33.420 |

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2007 | 2006 |
|----------------------|----------------|---------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Chi phí lãi vay | 85.529 | 46.027 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá | 15.705 | 9.655 |
| Khác | 2.967 | 956 |
| | 104.201 | 56.638 |

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi trên cổ phiếu cơ bản phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

| | 31/12/2007 |
|--|-------------|
| Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | |
| Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (Triệu VND) | 319.143 |
| Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu) | 100.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND) | 3.191 |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND) | 10.000 |

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tổng Công ty có ký hợp đồng không hủy ngang với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thuê khoán tài sản - Tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn trong vòng 10 năm. Tổng Công ty sẽ phải thanh toán khoản tiền thuê tòa nhà này trong năm 2008, năm 2009 với số tiền tương ứng là 1.140.909 USD và 1.559.091 USD. Trong quá trình khai thác Tòa nhà, căn cứ theo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty và/hoặc tình hình biến động về thị trường cho thuê văn phòng, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam sẽ xem xét lại mức khoán và có điều chỉnh phù hợp với tình hình quản lý, khai thác và kinh doanh Tòa nhà.

Tổng số tiền thuê tàu được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm là 53.246.497 USD.

19. CAM KẾT ĐẦU TƯ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, các cam kết mua và đầu tư tài sản cố định khoảng 6.830 tỷ VND, trong đó đầu tư vào các công trình với giá trị khoảng 1.535 tỷ VND, đầu tư vào mua sắm phương tiện thiết bị khoảng 5.295 tỷ VND.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍLầu 5 Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

| | <u>2007</u> | <u>2006</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 698.952 | 202.826 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam | 60.078 | 87.042 |
| Tổng Công ty Thương mại Dầu khí | 8.187 | 62 |
| Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí | 174.045 | 106.590 |
| Tổng Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Dầu khí | 10.740 | 8.243 |
| Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí | 19.153 | 9.305 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 13.840 | 1 |
| Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro | 192.470 | 239.288 |
| Chi phí lãi vay | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 385 | 902 |
| Công ty Tài chính Dầu khí | 16.467 | 14.319 |
| Số dư với các bên liên quan: | | |
| | <u>31/12/2007</u> | <u>31/12/2006</u> |
| | Triệu VND | Triệu VND |
| Phải thu | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 109.101 | 376 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam | 4.116 | 4.135 |
| Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí | 38.852 | 52.484 |
| Tổng Công ty cổ phần Phân đạm và hóa chất Dầu khí | 12.488 | 4.548 |
| Tổng Công ty Cổ phần khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí | 21.647 | 2.931 |
| Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam | 12.240 | - |
| Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro | 66.299 | 27.646 |
| Phải trả | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 950.420 | 109.768 |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam | 7.482 | - |
| Tổng Công ty Thăm dò - Khai thác Dầu khí | 82 | 53 |
| Công ty Tài chính Dầu khí | 10.260 | 2.556 |
| Tổng Công ty Chế biến & Kinh doanh sản phẩm dầu mỏ | 14.087 | 322 |
| Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam | 14.114 | 4.129 |
| Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovpetro | 447 | 18.498 |
| Vay dài hạn | | |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | - | 7.256 |
| Công ty Tài chính Dầu khí | 334.508 | 183.292 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ngày 17 tháng 3 năm 2008, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt kế hoạch mua Tàu dịch vụ dầu khí đa năng công suất 10.000 HP. Tổng mức đầu tư ước tính là 900.000 USD.

Ngày 13 tháng 2 năm 2008, Hội đồng Quản trị Tổng Công ty đã phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án “Góp vốn đầu tư và kinh doanh Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FPSO) cho PCVL thuê phục vụ khai thác dầu thô tại Lô 01 & 02 ngoài khơi Việt Nam”. Tổng mức đầu tư của dự án là 273.214.788 USD trong đó mức đầu tư của Tổng Công ty là 32.792.975 USD.

Ngày 10 tháng 1 năm 2008, Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng Công ty đã thông qua Nghị quyết tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ VND lên 2.000 tỷ VND và niêm yết số cổ phiếu này trên Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

22. SỐ LIỆU SO SÁNH

Đây là năm đầu tiên Tổng Công ty lập báo cáo tài chính hợp nhất và là năm đầu tiên hoạt động theo hình thức công ty cổ phần bao gồm công ty mẹ và các công ty con. Do đó, không có số liệu so sánh của Báo cáo tài chính hợp nhất. Số liệu năm trước là số liệu của báo cáo tài chính của Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí, công ty Nhà nước trước đây, tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 chỉ sử dụng cho mục đích tham khảo. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại và điều chỉnh lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.